TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ MƯỜNG LAY
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HS-ST
Ngày 14/7/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MƯỜNG LAY, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Thân Văn Hàm.

C*ác Hội thẩm nhân dân:* Ông Điêu Văn Sáng
Ông Lò Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: ông Thiều Tất Lơ - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Mường Lay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mường Lay tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Đỗ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2021/TLST-HS, ngày 31/5/2021theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 30/6/2021 đối với bị cáo:

Phạm Tiến B (tên gọi khác: không); sinh năm 1982

Nơi ĐKHKTT: Tổ 4, phường NL, thị xã ML, tỉnh ĐB.

Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Phạm Tiến S sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Li Sinh năm: 1955; bị cáo có vợ Vương Thị Thu T sinh năm 1982; Bị cáo có 01 con sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 22/06/2017 bị Công an tỉnh Điện Biên xử phạt hành chính về hành vi Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển sử dụng mua bán hoặc chiếm đoạt vũ khí thô sơ hoặc công cụ hỗ trợ.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/02/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Lò Ngọc T; sinh năm 1987; Trú tại: Tổ 3, phường NL, thị xã ML, tỉnh ĐB.(Có mặt)

Chị Vương Thị Thu T sinh năm 1982: Trú tại: Tổ 4, phường NL, thị xã ML, tỉnh ĐB.(Có mặt)

Anh Nguyễn Đức Lưu; sinh năm 1990; Trú tại: Tổ 1, phường NL, thị xã ML, tỉnh ĐB.(Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thời gian trước ngày 13/5/2019 Phạm Tiến B có cho Lò Ngọc T vay 10.000.000đ, sau đó vài ngày B lại tiếp tục cho Tuấn vay thêm 2.000.000đ(Bảo và T không nhớ ngày tháng). Ngày 13/5/2019 Phạm Tiến B cho Lò Ngọc T vay thêm 10.000.000đ và có yêu cầu Lò Ngọc T viết giấy vay tiền với tổng số các lần vay tiền là 24.000.000đ (Bao gồm 10.000.000đ vay mới + 12.000.000đ vay trước + 2.000.000đ lãi) = 24.000.000đ. Phạm Tiến B thỏa thuận miệng với Lò Ngọc T là lãi suất 20.000đ/1 triệu/1 ngày.

Quá trình trả lãi, gốc Lò Ngọc T chuyển từ tài khoản ngân hàng của Tsố tài khoản 8902215000432 đến số tài khoản 8902205004521 của Phạm Tiến B cụ thể như sau:

Ngày 24/5/2019 Lò Ngọc T chuyển trả cho B số tiền là 3.600.000đ tiền lãi của số tiền gốc 24.000.000đ.

Ngày 27/5/2019 T chuyển khoản cho B 10.000.000đ tiền gốc và nợ lại B 14.000.000đ nhưng không viết lại giấy vay tiền.

Ngày 27/7/2019 Tuấn chuyển khoản trả lãi cho B số tiền 2.000.000đ của số tiền gốc 14.000.000đ.

Ngày 06/9/2019 B cho T vay thêm 10.000.000đ tiền gốc. T có viết giấy vay nợ để B giữ và thỏa thuận miệng với nhau lãi là 20.000đ/1 triệu /1ngày, tổng cộng B cho T vay tiền gốc là 24.000.000đ. Từ ngày 06/09/2019 đến ngày 19/01/2021 T không trả gốc cho B mà chỉ trả lãi cho B là 32 lần với tổng số tiền là 71.500.000đ.

Đến ngày 24/01/2021 Bảo gọi T đến nhà để chốt số tiền gốc và lãi còn nợ là 55.000.000đ, trong đó số tiền gốc là 24.000.000đ, tiền lãi là 31.000.000đ, ngày 02/02/2021 T chuyển trả cho B số tiền là 35.000.000đ trong đó gồm 31.000.000đ là tiền lãi và 4.000.000đ tiền gốc. T còn nợ B số tiền gốc là 20.000.000đ và hẹn sau tết sẽ thanh toán hết.

Số tiền lãi thu lợi bất chính của Phạm Tiến B được xác định như sau:

Số tiền lãi trước ngày 13/5/2019, B tính lãi cho Tuấn là 2.000.000đ trên số tiền gốc 12.000.000đ do cả B và T đều không nhớ chính xác ngày vay nên không đủ căn cứ xác định chính xác số tiền B thu lợi.

Từ ngày 13/5/2019 đến ngày 27/5/2019 là (14 ngày) B cho T vay số tiền gốc là 24.000.000đ, thu được số tiền lãi là 3.600.000đ tương đương với lãi xuất 391,07%/năm; gấp 19,55 lần mức lãi xuất cao nhất của Bộ luật dân sự quy định, số tiền B được thu tối đa theo quy định là 184.110đ, số tiền B thu lợi bất chính là 3.415.890đ.

Từ ngày 27/05/2019 đến ngày 06/9/2019 là (102 ngày) B cho T vay số tiền gốc là 14.000.000đ thu được số tiền lãi 2.000.000đ tương đương với lãi xuất 51,12%; gấp 2,56 lần mức lãi xuất cao nhất của Bộ Luật dân sự quy định do đó chưa cấu thành tội phạm.

Từ ngày 06/9/2019 đến ngày 24/01/2021 là (507 ngày) B cho T vay số tiền gốc 24.000.000đ, thu được số tiền lãi 102.500.000đ, tương đương với lãi xuất 307,47%; gấp 15,37 lần mức lãi xuất cao nhất của Bộ luật dân sự quy định; Số tiền B được thu tối đa theo quy định là 6.667.397 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 95.832.603đ.

Tổng cộng Phạm Tiến B cho Lò Ngọc T vay 24.000.000đ, số tiền mà B thu từ cho vay nặng lãi là: 106.100.000đ; Số tiền mà B được phép thu lãi tối đa theo quy định của Bộ Luật dân sự là 6.851.507đ đ, số tiền B thu lợi bất chính của là 99.248.493đ.

Khi Cơ quan điều tra khám xét còn thu giữ của bị cáo 1 số giấy tờ sau:

01 giấy vay tiền của Lò Ngọc T viết ngày 13/5/2019 số tiền vay 24.000.000đ (bản phô tô)

01 giấy vay tiền của Lò Ngọc T viết ngày 06/9/2019 số tiền vay 10.000.000đ (bản phô tô)

01 giấy vay tiền của Vũ Đại ĩ viết ngày 30/8/2019 số tiền vay 40.000.000đ (bản gốc)

01 giấy vay tiền của Vũ Đại N viết ngày 30/8/2020 số tiền vay 34.000.000đ (bản gốc)

01 giấy vay tiền của Lò Ngọc T viết ngày 13/5/2019 số tiền vay 24.000.000đ (bản phô tô)

01 giấy vay tiền của Vũ Văn P viết ngày 05/4/2020 số tiền vay 15.000.000đ (bản gốc)

01 giấy vay tiền của Lò Văn T viết ngày 05/03/2020 số tiền vay 45.000.000đ (bản phô tô)

01 giấy vay tiền của Trần Thị Tường V viết ngày 16/12/2019 số tiền vay 50.000.000đ (bản phô tô)

01 giấy vay tiền của Lường Thị H viết ngày 18/3/2019 số tiền vay 98.000.000đ (bản gốc)

01 điện thoại di động Iphone màn hình cảm ứng có số Imel: 359402053736616 điện thoại cũ đã qua sử dụng.

01 điện thoại di động Iphone màn hình cảm ứng có số Imel: 353048097937306 điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Tiền Ngân hàng nhà nước Việt nam đang lưu hành là 7.700.000đ; 25.300.000đ, và 49.000.000đ.

106 vũ khí thô sơ gồm: 08 dao, kiếm kim loại có vỏ bằng gỗ màu đồng; 61 dao, kiếm kim loại có vỏ bằng gỗ màu vàng; 37 dao, kiếm kim loại có vỏ bằng gỗ màu đen.

78 thiết bị và vật dụng để hỗ trợ kích dục nam, nữ.

09 gậy bằng kim loại(dạng gậy chơi bóng chày) màu đen, màu trắng và màu bạc.

02 đầu thu gồm: 01 đầu thu Dabua loại DH-XVR5108HS-X số SIN 5K04B05TA236D60 và một dây nguồn màu đen kèm theo đầu thu; 01 đầu thu Dabua loại DHI-XVR4108HS-S2 số SIN: 4A058B3PAP2A952 và một dây nguồn màu đen kèm theo đầu thu.

Ngày 08/02/2021 gia đình Phạm Tiến B giao nộp số tiền 35.000.000đ là tiền lãi Lò Ngọc T trả cho B vào ngày 02/02/2021.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSML ngày 31/5/2021 của Viện kiểm sát dân thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Phạm Tiến B về tội: "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự " theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS.

Tại phiên tòa phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan cảnh sát điều tra, lời khai tại phiên tòa hôm nay, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Sau khi phân tích tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, động cơ mục đích phạm tội. Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201BLHS; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51BLHS. Tuyên bố bị

cáo Phạm Tiến B phạm tội: "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự". Xử phạt bị cáo Phạm Tiến B với mức tiền từ 160.000.000đ đến 180.000.000đ.

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 24.000.000đ là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội và số tiền 6.851.507đ có được từ việc cho vay nặng lãi.

Đối với 02 điện thoại thu của bị cáo là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch sung vào ngân sách Nhà nước.

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho người vay anh Lò Ngọc T số tiền 99.248.493 đồng, trừ đi số tiền 71.500.000 đồng bị cáo đã trả trước, số tiền bị cáo còn phải trả cho T là: 27.748.493 đồng.

Đối với số tiền 7.700.000đ; 49.000.000đ thu tại nhà bị cáo và số tiền 25.300.000đ thu trên xe ô tô của bị cáo. Đối với số tiền này vợ bị cáo khai là tiền của vợ bị cáo nhưng vợ bị cáo không chứng minh đó là tiền riêng của vợ bị cáo nên được coi đó là tài sản chung của gia đình bị cáo đề nghị HĐXX chia đôi ½ trả cho vợ bị cáo còn ½ là của bị cáo đề nghị giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, bị cáo mong HĐXX xem xét giảm nhẹ tội cho bị cáo.

Tại phiên tòa: anh T khai có thừa nhận việc vay tiền của bị cáo và trả lãi 20.000đ/1 triệu/1 ngày. Hiện tại anh T đã trả hết cả gốc và lãi cho bị cáo, anh T mong HĐXX giảm nhẹ tội cho bị cáo. Chị T khai nhận số tiền mà công an thu giữ tại nhà của bị cáo là tiền riêng của chị không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nhưng chị T không chứng minh được số tiền trên là tài sản riêng của chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm tiến B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở xác định. Trong thời gian từ ngày 13/5/2019 đến ngày 27/5/2019 là (14 ngày) Phạm Tiến B cho

Lò Ngọc T vay số tiền 24.000.000đ, thu được số tiền lãi 3.600.000đ, tương đương với lãi suất 391,07%/năm, gấp 19,55 lần mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự quy định thu lợi bất chính là 3.415.890đ.

Phạm Tiến B cho Lò Ngọc T vay số tiền 24.000.000đ từ ngày 06/9/2019 đến ngày 24.01/2021 là (507 ngày) thu được số tiền lãi 102.500.000đ, tương đương với lãi suất 307.47%/năm cao gấp 15,37 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự quy định, số tiền thu lợi bất chính là 95.248.493đ. Tổng số tiền Phạm Tiến B thu lợi bất chính của Lò Ngọc T là 99.248.493đ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự được phép là 20%/năm. Như vậy mức lãi suất mà Phạm Tiến B cho Lò Ngọc T vay cả hai đợt đều cao hơn mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự quy định thu lợi số tiền bất chính là 99.248.493đ.

Do vậy, hành vi cho vay lấy lãi của Phạm Tiến B đã phạm vào tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự " theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ Luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định: 1. "*Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm*". Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mường Lay truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là có căn cứ cần chấp nhận.

[2]. Xét tính chất mức độ và hậu quả của tội phạm: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, xâm phạm lợi ích của công dân, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm nhưng vẫn cố tình thực hiện.

[3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo có nhân thân không tốt, ngày 22/06/2017 bị Công an tỉnh Điện Biên xử phạt hành chính về hành vi Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển sử dụng mua bán hoặc chiếm đoạt vũ khí thô sơ hoặc công cụ hỗ trợ.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tự nguyện khắc

phục hậu quả do hành vi vi phạm của bản thân, anh T người vay tiền của bị cáo trong vụ án này có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

Về hình phạt: Từ những phân tích về hành vi vi phạm của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân động cơ mục đích của bị cáo. Xét thấy mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có cơ sở cần chấp nhận. HĐXX áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức chấp hành pháp luật đủ sức răn đe đối với bị cáo và người khác.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Phạm Tiến B đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định của BLHS về việc áp dụng hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

[4]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5]. Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b, khoản 2, điểm a, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC, ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về xử lý khoản tiền gốc (khoản tiền cho vay) và tiền lãi trong tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự":

Đối với khoản tiền lãi 20% mà bị cáo nhận từ người vay tương ứng với số tiền 6.851.507 đây là số tiền có được lãi phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền gốc 24.000.000đ Lò Ngọc T đã trả cho bị cáo Phạm Tiến B đây là số tiền bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội do vậy cần truy thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 7.700.000đ và 49.000.000đ thu tại nhà bị cáo; 25.300.000đ thu trên ô tô của bị cáo, tổng cộng: 82.000.000 đồng, xác định đây là tài sản chung của vợ chồng cần chia đôi số tiền ½ trả cho chị Vương Thị Thu T số tiền: 41.000.000 đồng; ½ số tiền còn lại là 41.000.000 đồng của bị cáo tạm giữ để

đảm bảo thi hành án. Đối với số tiền 35.000.000đ gia đình bị cáo tự nguyện nộp lại để khác phục hậu quả cần giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Đối với 02 điện thoại thu của bị cáo là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội cụ thể bị cáo nhắn tin yêu cầu anh T trả lãi cần tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm các điện thoại sau: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màn hình cảm ứng có số Imel 35940205376616 bên trong có sim điện thoại số 0779405555 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màn hình cảm ứng có số Imel 35304809737306 bên trong máy có sim điện thoại có số 0973872685.

Đối với 09 gậy bằng kim loại(dạng gậy chơi bóng chày) màu đen, màu trắng và màu bạc; 02 đầu thu gồm: 01 đầu thu Dabua loại DH-XVR5108HS-X số SIN 5K04B05TA236D60 và một dây nguồn màu đen kèm theo đầu thu; 01 đầu thu Dabua loại DHI-XVR4108HS-S2 số SIN: 4A058B3PAP2A952 và một dây nguồn màu đen kèm theo đầu thu. Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu Phạm Tiến B. Xét thấy việc trao trả trên là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Đối với 106 vũ khí thô sơ gồm: 08 dao, kiếm kim loại có vỏ bằng gỗ màu đồng; 61 dao, kiếm kim loại có vỏ bằng gỗ màu vàng; 37 dao, kiếm kim loại có vỏ bằng gỗ màu đen. Chủ tịch UBND thị xã Mường Lay đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với chủ sở hữu và tịch thu số vũ khí thô sơ trên, nên HĐXX không xem xét giải quyết trọng vụ án này.

Đối với 78 thiết bị và vật dụng để hỗ trợ kích dục nam, nữ không liên quan đến vụ án Cơ quan CSĐT đã xử lý theo quy định của pháp luật, HĐXX không đề cập vấn đề xử lý.

Đối với một số tài liệu, giấy tờ có liên quan đến việc bị cáo cho nhiều người khác cùng vay tiền. Tuy nhiên, qua các tài liệu thu thập được cùng lời khai của bị cáo, lời khai của những người vay tiền thể hiện tại các lần cho vay bị cáo không lấy lãi suất hoặc có lấy lãi suất nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội:“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” Viện kiểm sát đã trả cho Phạm Tiến B, nên HĐXX không đề cập đến việc xử lý trong vụ án này.

[6] Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho người vay Lò Ngọc T số tiền là 99.248.493 đồng trừ đi số tiền 71.500.000 đồng bị cáo đã trả trước, số tiền bị cáo còn phải trả cho Tuấn là: 27.748.493 đồng. Khấu trừ vào số tiền 35.000.000đ gia đình bị cáo tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả. Số tiền còn lại tịch thu đảm bảo thi hành án.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với Vũ Đại N, sinh năm 1994; Đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ 4, phường NL, thị xã ML, tỉnh ĐB là người viết 02 giấy vay tiền gồm: 01 giấy vay tiền ngày 30/8/2019 nội dung vay của Phạm Tiến B số tiền 40.000.000đ; 01 giấy vay tiền ngày 30/8/2019 nội dung vay Phạm Tiến B số tiền 34.000.000đ. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Mường Lay đã xác minh hiện tại N không có mặt tại địa phương nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Đối với Trần Tường V, sinh năm 1990; Đăng ký hộ khẩu thường trú bản Đ, phường NL, thị xã ML, tỉnh ĐB là người viết giấy vay Phạm Tiến B ngày 16/12/2019 với số tiền 50.000.000đ. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Mường Lay đã xác minh hiện tại chị V không có mặt tại địa phương nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Đối với Vũ Văn P, sinh năm 1998; Đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 4 phường NL có vay Phạm Tiến B số tiền 15.000.000đ ngày 05/4/2020. P đã thanh toán tiền cho Bảo và số tiền này Bảo không tính lãi suất, giao dịch dân sự này đã chấm dứt.

Đối với Nguyễn Đức L sinh năm 1990; Đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 01 phường NL là người cho Lò Văn T và Lường Thị H vay tiền lấy lãi và nhờ Phạm Tiến B đòi nợ hộ, hành vi của Nguyễn Đức l không cấu thành tội cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Đối với Vương Thị Thu T sinh năm 1982; Đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ 4, phường NL, thị xã ML, tỉnh ĐB là vợ của bị cáo B, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Mường Lay đã điều tra xác minh chị T không biết việc cho vay lãi nặng của B nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bởi vì, bản chất đây là số tiền thu lời bất chính, không phải tiền bồi thường dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Tiến B phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

[2]. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Tiến B 170.000.000đ (*Một trăm bẩy mươi triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

[3]. Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Tiến B phải trả cho anh Lò Ngọc T số tiền: 27.748.493đ *(Hai mươi bảy triệu, bẩy trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng)* Khấu trừ vào số tiền 35.000.000đ gia đình bị cáo tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả. Số tiền còn lại là 7.251.507 đ (*Bẩy triệu hai trăm năm mươi mốt nghìn, năm trăm linh bẩy đồng*) tịch thu để nộp vào khoản tiền phạt 170.000.000đ (*Một trăm bẩy mươi triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước.

[4]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b, khoản 2, điểm a, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*) đây tiền gốc là phương tiện phạm tội và 6.851.507đ (*Sáu triệu tám trăm năm mươi mốt nghìn, năm trăm linh bẩy đồng*) là khoản tiền lãi tương ứng 20%/năm do phạm tội mà có.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 02 chiếc điện thoại là phương tiên phạm tội có số Imel và số sim điện thoại như sau:

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone màn hình cảm ứng có số Imel: 359402053736616 bên trong máy có một sim điện thoại số 0779405555.

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone màn hình cảm ứng có số Imel: 353048097937306 bên trong máy có một sim điện thoại số 0973872685.

- Tịch thu số tiền 41.000.000đ (*Bốn mươi mốt triệu đồng*) của bị cáo để nộp vào khoản tiền phạt 170.000.000đ (*Một trăm bẩy mươi triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước.

- Trả cho chị Vương Thị Thu T số tiền: 41.000.000đ (*Bốn mươi mốt triệu đồng).*

(*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Mường Lay và Chi Cục thi hành án Dân sự thị xã Mường Lay ngày 03/6/2021).*

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ Luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Tiến Bảo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(14/7/2021). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi của mình, người vắng mặt thời hạn được tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA - TA Tỉnh ĐB;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND thị xã Mường Lay;
- Đội điều tra Công an thị xã Mường Lay;
- Cơ quan THAHS CA thị xã Mường Lay;
- Chi cục THA dân sự thị xã Mường Lay;
- PC 10 (THAHS) CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo, Người có QLNV liên quan;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ VA,KT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký đóng dấu)

Thân Văn Hàm

Các Hội thẩm nhân dân:		**Thẩm phán**
1	**2**	**Chủ tọa phiên tòa**
Điêu Văn Sáng	Hoàng Văn Tương	Thân Văn Hàm